08

UỶ BAN NHÂN DÂN Tỉnh Thái Nguyên ***	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------B.100
Số: 512/2003/QĐ-UB	*Thái Nguyên, ngày 12 tháng 3 năm 2003*

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
V/v Giao kế hoạch đầu tư và xây dựng
tỉnh Thái Nguyên năm 2003.(Đợt 1)

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND.
- Căn cứ Quyết định số 84/2002/QĐ- BKH ngày 23 tháng 12 năm 2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư v/v giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2003 cho địa phương.
- Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và đầu tư tại công văn số 98 /CV-KH ngày 03 tháng 3 năm 2003.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: - Nay Giao Kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2003 tỉnh Thái Nguyên cho Uỷ ban nhân dân các Huyện, Thành phố, Thị xã, các Sở, Ban, Ngành và các đơn vị Chủ đầu tư thuộc tỉnh Thái Nguyên, theo các biểu chi tiết kèm theo quyết định này.

Điều 2: Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các Huyện, Thành phố Thái Nguyên, Thị xã Sông Công, Thủ trưởng các đơn vị chủ đầu tư thực hiện theo mục tiêu, phương hướng của kế hoạch Kinh tế - xã hội năm 2003 và qui chế quản lí đầu tư và xây dựng

Điều 3 : - Các Ông , Bà : Chánh Văn phòng HĐND&UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các Huyện, Thành phố Thái Nguyên, Thị xã Sông Công. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành và các đơn vị Chủ Đầu tư có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Bộ Kế hoạch & đầu tư(B/c)
- Bộ Tài chính (B/c)
- TT Tỉnh uỷ (B/c)
- TT. HHĐND tỉnh (B/c)
- Các đ/c CT, PCT
- Như điều3
- Các bộ phận nghiên cứu
- Lưu VP-XDCB B.009

T/M UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
CHỦ TỊCH

Hứa Đức Nhị

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NĂM 2003 TỈNH THÁI NGUYÊN

(ĐỢT I)

(Kèm theo Quyết định số: 52 /2003/QĐ-UB, ngày 12 tháng 03 năm 2003 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Các công trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Kế hoạch năm 2003	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
A	**NGUỒN VỐN XDCB TẬP TRUNG**		**45 420**		
	a. Vốn thiết kế QH và chuẩn bị đầu tư		***2 000***		*Phân bổ sau*
	b. Giải phóng MB khu tái định cư nhà máy Xi măng 1,4 triệu tấn năm		***10 000***		*Phân bổ sau*
	c. Vốn đối ứng các dự án :		***7 000***		*Phân bổ sau*
	d. Vốn thực hiện dự án :		***26 420***		
1	Hệ thống lưới điện xã Văn Hán huyện Đồng Hỷ	1997-2002	400	UBND huyện Đồng hỷ	
2	Lưới điện xã Phúc Thuận - huyện Phổ Yên	2001-2002	300	UBND huyện Phổ Yên	
3	Hệ thống điện chiếu sáng TT Chùa Hang Đ. Hỷ	2001	300	UBND huyện Đồng Hỷ	
4	Điện chiếu sáng thị trấn Đại Từ	2001	200	UBND huyện Đại Từ	
5	Lưới điện Thị trấn úc Sơn - Phú Bình	2001	55	UBND huyện Phú Bình	
6	Kiên cố hoá kênh giữa cấp I - Núi Cốc	2001-2003	500	Sở NN Và PT NT	
7	Hồ Xương Rồng - thành phố Thái Nguyên	2003-2005	500	Sở NN Và PT NT	
8	Đối ứng dự án ADB Thuỷ lợi	2002	1 000	BQL Ngành CSHT	
9	Trại lợn giống ngoại Tân Thái - Đồng Hỷ	2001-2003	400	TTâm khuyến nông tỉnh	
10	Trại giống lợn Điềm Thuỵ Phú Bình	2002-2003	100	TTâm khuyến nông tỉnh	
11	Tưới chè 3 xã Phú Lương	2002-2005	300	Sở NN Và PT NT	

1	2	3	4	5	6
12	Trại nhân SX giống cây ăn quả	2002-2003	400	TTâm khuyến nông tỉnh	
13	Đường Cách mạng tháng 10 Thị xã Sông Công	2001	200	UBND TX Sông Công	
14	Đường CM tháng 8 TP Thái Nguyên	1999-2003	3 000	Sở giao thông Vận tải	
15	Đường 1B Tân Long - Đồng Hỷ	2001	400	UBND huyện Đồng hỷ	
16	Đường Đa Phúc - Cao Vương - Phổ Yên	2001	65	UBND huyện Phổ Yên	
17	Khu điều trị phong	2001-2003	400	TT da liễu chống phong	
18	Đường Hoá Thượng - Hoà Bình huyện Đồng Hỷ	2001-2003	1 500	UBND huyện Đồng Hỷ	
19	Cầu treo Làng Giang huyện Phú Lương	2002-2003	400	UBND H. Phú lương	
20	Đường Bến Oánh thành phố Thái Nguyên	2001	230	UBND TPTN	
21	GPMB đường Phan Đình Phùng (G.Đ I)-TPTN	2001	200	UBND TPTN	
22	Đường Phan Đình Phùng TPTN (giai đoạn II)	2002-2003	400	UBND TPTN	
23	Hạ tầng KCN Sông Công	2002	2 500	Cty công trình GT I	
	- Trả nợ vốn vay Quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển				
24	Khu sử lý chất thải rắn Tân Cương	2002	700	UBND TPTN	
	- Trả nợ vốn vay Quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển				
25	Bến xe khách Thái Nguyên	2001	500	Bến xe Khách TN.	
	- Trả nợ vốn vay Quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển				
26	Trường PTTH Chuyên Thái Nguyên	2000-2003	200	Trường PTTH Chuyên	
27	Trường PTTH Ngô Quyền	2000-2003	200	Sở GD - ĐT	
28	Trường PTTH Mỏ Khánh hoà	2001-2003	200	Trường PTTH Mỏ Khánh Hoà	
29	Trường PTTH Nguyễn Huệ Đại Từ	2003	200	Sở giáo dục và đào tạo	
30	Trường PTTH Phú Lương	2001-2003	200	Trường PTTH P.Lương	
31	Trường PTTH Dương Tự Minh	2001-2003	200	Trường PTTH D.T.Minh	
32	Trường PTTH Phú Bình	2002-2003	200	Trường PTTH Phú Bình	

1	2	3	4	5	6
33	Trung tâm dạy nghề tỉnh Thái Nguyên	2003-2004	200	Sở LĐ TB &XH	
34	Đài tưởng niệm liệt sỹ tỉnh Thái Nguyên	2000-2003	500	Sở LĐ TB &XH	
35	Đền thờ Đội Cấn	2002-2003	200	Sở Văn hóa thông tin	
36	Khu di tích lịch sử 27/7 Đại từ (Trả nợ GPMB)	2000-2003	30	UBND huyện Đại Từ	
37	Nhà hội y học dân tộc	2001	115	Hội Y Học Dân tộc	
38	Dự án công nghệ thông tin	2002	100	Sở KH CNMT	
39	Bệnh viện C	1998-2003	300	Bệnh viện C	
40	Trụ sở Sở Xây dựng	2000	300	Sở Xây dựng	
41	Trung tâm y tế Đại Từ	2002-2004	300	Trung tâm Ytế Đại Từ	
42	Trung tâm y tế Phú Lương	2001-2003	300	T.tâm Ytế P. Lương	
43	Trụ sở sở Y tế	2002-2003	500	Sở Ytế	
44	Trụ sở HĐND -UBND tỉnh	2002-2003	1 000	VP HĐND-UBND tỉnh	
45	Sửa chữa Văn phòng Tỉnh Uỷ	2002-2003	500	Văn phòng tỉnh Uỷ	
46	Nhà hội trường UBND tỉnh	2001	110	VP HĐND-UBND tỉnh	
47	Nhà đa chức năng báo Thái Nguyên	2002-2003	300	Báo Thái Nguyên	
48	Nhà thi đấu thể thao	2001-2003	500	Sở Thể dục thể thao	
49	Trụ sở huyện uỷ huyện Đồng Hỷ	2000-2002	500	UBND H. Đồng Hỷ	
50	Trụ sở khối Đảng, đoàn thể huyện Phú Lương	2002-2003	400	UBND H. Phú lương	
51	Trụ sở huyện uỷ Phú Bình	2002-2003	400	UBND H. Phú Bình	
52	Trường Chính trị tỉnh	1998-2003	300	Trường Chính trị tỉnh	
53	Trụ sở Ban QL KCN Sông Công	2002-2003	200	BQL các KCN TN	
54	Nhà hậu cần Ban chỉ huy quân sự tỉnh	2002-2003	200	Bộ chỉ huy QS tỉnh	
55	Nhà hội trường lớn Trường Quân sự tỉnh	2001-2003	200	Bộ chỉ huy QS tỉnh	
56	Phòng xúc tiến thương mại	2001	115	Sở TM- Du lịch	

1	2	3	4	5	6
57	Tin học hoá quản lý văn phòng UBND tỉnh	2003	200	VP HĐND UBND tỉnh	
58	Trung tâm Hội nghị và biểu diễn tỉnh	2003-2005	500	Sở Văn hóa thông tin	
59	Trung tâm SX chương trình phát thanh truyền hình tỉnh	2003-2004	300	Đài PTTH tỉnh	
60	Trung tâm điều hành và quản lý đề án Sông Cầu	2003-2004	1 000	Sở KH CN và MT	
61	Nhà điều trị bệnh nhân (DA Bệnh viện A Phụ sản)	2003	300	Sở Y tế	
62	Nhà nghỉ vận động viên - Sở Thể dục thể thao	2003	200	Sở Thể dục thể thao	
B	**NGUỒN VỐN QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU**		**42000**		
I	**Hạ tầng Du lịch**		**8 000**		
1	Đường ven Hồ Núi Cốc	2003-2005	3 000	Sở TM - Du lịch	
2	Đường du lịch 260 (Đán - Hồ Núi Cốc)	2003-2005	3 000	Sở TM - Du lịch	
3	Hạ tầng du lịch Hồ Núi Cốc	2003-2005	2 000	Sở TM - Du lịch	
II	**Hạ tầng chợ nông sản**		**2 500**		
1	Chợ nông sản Tân lập Định hoá	2003-2004	2 500	UBND H. Định hoá	
III	**Quảng cáo truyền hình**		**1 500**		
1	Sơn phản quang và đèn chiếu sáng tháp ăng ten truyền hìn	2002	402	Đài PT và TH tỉnh	
2	Cột ăng ten và nhà điều hành thu phát sóng	1998-2001	59	Đài PT và TH tỉnh	
3	Thiết bị kỹ thuật truyền hình	2001	937	Đài PT và TH tỉnh	
4	Máy phát hình 5 KW	1999-2000	102	Đài PT và TH tỉnh	
IV	**Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư dự án ATK**		**30 000**		
1	Đường Chợ Chu - Lam Vĩ Định Hoá	2001-2003	3 000	UBND H. Định Hoá	
2	Trung tâm y tế Định Hoá	2002-2004	1 000	TT ytế ĐịnhHoá	
3	Hồ suối My Kim Sơn Định Hoá	2002-2003	1 300	Sở NN&PTNT	
4	Trường PTTH Định Hoá	2001-2003	1 500	Trường PTTH Đ.Hoá	

1	2	3	4	5	6
5	Lưới điện 0.4KV Lam Vỹ Định Hoá	2001-2002	700	UBND H. Định hoá	
6	Lưới điện 0.4KV Linh Thông Định Hoá	2002-2003	1 100	UBND H. Định hoá	
7	Hệ thống điện khu ATK Định Hoá	1997-2002	2 000	Sở Công nghiệp	
8	Đường Phúc Chu - Bảo Linh Định Hoá	2003-2005	4 000	UBND H. Định hoá	
9	Đường vào các Khu di tích lịch sử Định Hoá	2003	1 600	UBND H. Định hoá	
10	Đường vào khu di tích lịch sử TNVN	2002	500	Tỉnh đoàn T.Nguyên	
11	Đài phát thanh truyền hình huyện Định Hoá	2003	500	Đài PT TH Định hoá	
12	Kiên cố kênh sau Hồ Bảo Linh	2003	200	Sở NN&PTNT	
13	Hạt Kiểm lâm huyện Định Hoá	2000-2003	300	Chi cục kiểm lâm	
14	Đường Kha Sơn - Lương Phú Phú Bình	2002-2003	1 500	UBND H. Phú Bình	
15	Trung tâm ytế Võ Nhai	1998-2002	2 000	Sở Ytế	
16	Đường Thượng Nung - Sảng mộc Võ Nhai	2000-2002	1 500	UBND H. Võ Nhai	
17	Đường Tràng Xá - Phương giao Võ Nhai	2002-2003	1 000	UBND H. Võ Nhai	
18	Đường Hoà Bình - Văn Lăng Đồng Hỷ	2003	300	UBND H. Đồng Hỷ	
19	Chuẩn bị đầu tư và KTQH		1 000		Hạng mục DA phân bổ sau
20	Vốn đối ứng các dự án	2003	5 000		
C	**NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HA TẦNG**		**53010**		
1	Đầu tư nguồn thu theo Nghị quyết quốc hội		33 010		
2	Đầu tư xây dựng CSHT nông thôn		20 000		Phân bổ cho các huyện- thành- thị sau